TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 2 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 2 · Đề số 23

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 30 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Số lớn nhất có hai chữ số mà tổng hai chữ số bằng 14 là:

A. 100 **B.** 99 **C.** 95 **D.** 97

Câu 2. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm trong dãy: 13, 20, 27, 34, 41, ...

A. 49 **B.** 50 **C.** 47 **D.** 48

Câu 3. *(0,5 điểm)* Kết quả của phép tính 41 − 33 + 20 là:

A. 18 **B.** 29 **C.** 28 **D.** 38

Câu 4. *(0,5 điểm)* Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm: 52 − 8 + 12 ..... 52 − 9 + 9

A. > **B.** < **C.** =

Câu 5. *(0,5 điểm)* Thùng thứ nhất có 80 l nước, thùng thứ hai có 64 l nước. Thùng thứ nhất nhiều hơn thùng thứ hai số lít nước là:

A. 15 l **B.** 17 l **C.** 26 l **D.** 16 l

Câu 6. *(0,5 điểm)* Trong phép trừ 93 − 35 = 58, số 58 được gọi là:

A. hiệu **B.** số trừ **C.** số bị trừ **D.** số hạng

Câu 7. *(0,5 điểm)* 8 dm 4 cm = ... cm

A. 84 **B.** 48 **C.** 804 **D.** 12

Câu 8. *(0,5 điểm)* Độ dài đường gấp khúc ABCD là:

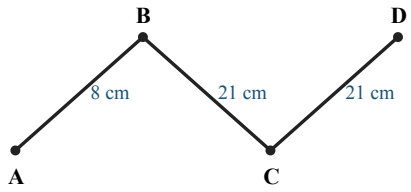

A. 60 cm **B.** 50 cm **C.** 40 cm **D.** 29 cm

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Tìm số thích hợp điền vào chỗ chấm:

a) ..... − 19 = 42

b) 64 − ..... = 37

c) 48 + ... = 85

d) ..... + 29 = 72

Câu 10. *(1 điểm)* Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 59 + 16 = ……

b) 57 − 18 = ……

c) 54 + 8 = ……

d) 75 − 7 = ……

Câu 11. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 30 + 22 − 25 …… 30 + 24 − 26

b) 28 + 27 − 25 …… 32 − 13 + 10

c) 47 + 10 + 27 …… 85

d) 8 dm …… 80 cm

Câu 12. *(1 điểm)* Quan sát hai đồng hồ rồi viết vào chỗ chấm:





a) Đồng hồ thứ nhất chỉ …… giờ …… phút

b) Đồng hồ thứ hai chỉ …… giờ …… phút

Câu 13. *(1 điểm)* Quan sát hình vẽ rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:

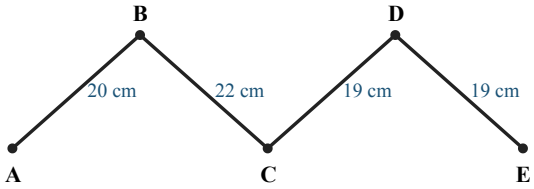

a) Độ dài đường gấp khúc ABCDE là: …… cm

b) Đổi ra đề-xi-mét: …… dm

Câu 14. *(1 điểm)* Nam hái được 36 bông hoa, Ngọc hái được 19 bông hoa. Hỏi hai bạn hái được tất cả bao nhiêu bông hoa? Ai hái được nhiều hơn và nhiều hơn bao nhiêu bông?

a) Hai bạn hái được: …… bông hoa

b) Bạn hái nhiều hơn là Nam, nhiều hơn: …… bông hoa

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 2 · Đề số 23

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	D	C	A	D	A	A	B

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 42 + 19 = 61

b) 64 − 37 = 27

c) 85 − 48 = 37

d) 72 − 29 = 43

Câu 10.

a) 59 + 16 = 75

b) 57 − 18 = 39

c) 54 + 8 = 62

d) 75 − 7 = 68

Câu 11.

a) 27 < 28

b) 30 > 29

c) 84 < 85

d) 80 cm = 80 cm

Câu 12.

a) 8 giờ 15 phút

b) 7 giờ 30 phút (hay 7 giờ rưỡi)

Câu 13.

a) 20 + 22 + 19 + 19 = 80 (cm)

b) 80 cm = 8 dm

Câu 14.

Tất cả: 36 + 19 = 55 (bông)

Nam hái nhiều hơn: 36 − 19 = 17 (bông)